Thứ Ba ngày 05 tháng 11 năm 2024

**KẾ HOẠCH BÀI DẠY**

Môn học: **Toán**

Tên bài học: **Viết các số đo độ dài dưới dạng số thập phân** ; Tiết: 42

Thời gian thực hiện: 05/11/2024

##### I.Yêu cầu cần đạt

* + HS thể hiện được các số đo độ dài bằng cách dùng số thập phân.
  + HS vận dụng để giải quyết vấn đề đơn giản liên quan đến đơn vị đo độ dài.
  + HS có cơ hội hình thành các năng lực tư duy và lập luận toán học, giao tiếp toán học, mô hình hoá toán học, giải quyết vấn đề toán học và các phẩm chất trách nhiệm, chăm chỉ, yêu nước.

##### II.Đồ dùng dạy học

GV: Hình vẽ phần Khởi động và mục Vui học (nếu cần).

HS: SGK, VBT

##### III.Các hoạt động dạy học chủ yếu

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG GV** | **HOẠT ĐỘNG HS** |
| **A.Hoạt động Mở đầu** |  |
| – Có thể dùng trò chơi 🡪 Nhắc lại mối quan hệ giữa một số đơn vị đo độ dài  🡪 Hai đơn vị đo độ dài liền kề, đơn vị lớn hơn gấp mấy lần đơn vị bé hơn? | Hai đơn vị đo độ dài liền kề, đơn vị lớn hơn gấp 10 lần đơn vị bé hơn. |
|  |  |
| – GV giới thiệu hình ảnh Khởi động 🡪 HS đọc các bóng nói. | – HS **tìm hiểu** phần Khởi động.  🡪 HS đọc các bóng nói. |
|  |  |
| Giao việc cho các nhóm.  – GV tổ chức theo phương pháp nhóm các mảnh ghép 🡪 Mỗi nhóm/việc 🡪 Các nhóm GQVĐ.  +Bước 1: **Tìm hiểu vấn đề**  +Bước 2: **Lập kế hoạch**  +Bước 3: **Tiến hành kế hoạch** | * Việc 1: Đổi 8 dm sang mét; * Việc 2: Đổi 2 m và 15 cm sang mét   🡪 Mỗi nhóm/việc 🡪 Các nhóm GQVĐ.  Nhận biết vấn đề cần giải quyết: Đổi đơn vị đo sang mét.  Nêu được cách thức GQVĐ (sử dụng mối quan hệ giữa các đơn vị đo).  HS thực hiện theo cách thức ở Bước 2. Trình bày trước lớp. |
| *Lưu ý:* HS có thể viết dưới dạng phân số tối giản là 4 m và 43 m.  5 20 | + Việc 1: 1 dm = 1 m 🡪 8 dm = 8 m.  10 10  + Việc 2: 1 cm = 1 m 🡪 15 cm = 15 m  100 100 |
|  | 🡪 2 m + 15 cm = 2 15 m.  100 |
| +Bước 4: **Kiểm tra lại**  🡪Giới thiệu bài mới: Các em đã viết các  số đo độ dài dưới dạng số tự nhiên, phân số  và hỗn số. Hôm nay chúng ta sẽ cùng nhau  tìm hiểu một cách viết các số đo độ dài  mới, đó là viết các số đo độ dài dưới dạng số thập phân. | So với số đo ở đề bài, so với mối liên hệ giữa các đơn vị đo. |
| **B. Hoạt động Hình thành kiến thức mới: Viết các số đo độ dài dưới dạng số thập phân** | |
| **Ví dụ 1: 8 dm = .?. m**  – Gợi ý của GV.  + Viết số đo dưới dạng phân số thập phân  có đơn vị đo là mét.  + Chuyển phân số thập phân thành số thập phân. | – HS (nhóm bốn) thảo luận theo gợi ý của GV.  – HS trình bày:  8 dm = 8 m = 0,8 m 🡪 8 dm = 0,8 m.  10  Vì 8 < 1 🡪 Phần nguyên là 0 🡪 Mẫu số  10  có một chữ số 0 🡪 Phần thập phân có một chữ số 🡪 Tử số là 8: Số có một chữ số  🡪 Số thập phân phải tìm là 0,8.  … |
| **Ví dụ 2: 2 m 15 cm = .?. m**  *Lưu ý:* Hai đơn vị đo độ dài liền nhau,  đơn vị lớn hơn gấp 10 lần đơn vị bé hơn. | – Tương tự Ví dụ 1, HS tự **tìm hiểu** và **kết luận**.  2 m và 15 cm 🡪 2 m + 15 cm  🡪 2 m là phần nguyên.  – HS trình bày:  2 m + 15 cm = 2 m 15 cm  = 2 15 m = 2,15 m  100  🡪 2 m và 15 cm = 2,15 m.  Vì 2 15 có phần nguyên là 2 🡪 Số thập  100  phân có phần nguyên là 2.  Mẫu số có hai chữ số 0 🡪 Phần thập phân có hai chữ số 🡪 Tử số là 15: Số có hai chữ số  🡪 Số thập phân phải tìm là 2,15.  … |
| **C.Hoạt động Luyện tập – Thực hành** |  |
| ***Thực hành***  **Bài 1:**   * Khi sửa bài, GV cho HS **trình bày** (mỗi nhóm/số đo), **khuyến khích** HS **nói** cách chuyển đổi đơn vị đo. * GV giúp HS hệ thống lại mối quan hệ giữa một số đơn vị đo độ dài.   ***Luyện tập***  **Bài 1:**   * GV cho HS **đọc** yêu cầu.   Khi sửa bài, GV cho HS **trình bày** (mỗi nhóm/câu), **khuyến khích** HS **nói** cách chuyển đổi đơn vị đo (giống bài Thực hành 1). | – HS **thực hiện** cá nhân, **chia sẻ** nhóm đôi.   1. 2 dm = 0,2 m 345 cm = 3,45 m   17 mm = 0,017 m   1. 71 m 6 dm = 71,6 m 4 m 9 cm = 4,09 m   8 m 12 mm = 8,012 m  – HS **nói** cách chuyển đổi đơn vị đo. Ví dụ:   1. 345 cm = 3,45 m   Vì 345 cm = 345 m 🡪 345 > 1  100 100  🡪 345 : 100 = 3 (dư 45)  🡪 345 m = 3 45 m.  100 100  …     * + HS **đọc** yêu cầu.   + HS thảo luận (nhóm đôi) **tìm hiểu** bài, **xác định** việc cần làm: **Số thập phân?**   + HS **làm** bài cá nhân rồi chia sẻ trong nhóm.  1. 8 dm 4 cm = 8,4 dm   1 cm 6 mm = 1,6 cm   1. 7 dm 2 cm = 0,72 m   6 cm 1 mm = 0,061 m  – HS **nói** cách chuyển đổi đơn vị đo. Ví dụ:  a) 8 dm 4 cm  🡪 Có phần nguyên là 8, đổi 4 cm sang đề-xi-mét  🡪 8 dm 4 cm = 8 4 dm = 8,4 dm  10  🡪 Vậy 8 dm 4 cm = 8,4 dm.  … |
| **D.Hoạt động Vận dụng – Trải nghiệm** |  |
| **Bài 2:**   * Với những HS còn hạn chế, GV có thể hướng dẫn các em đổi các số đo sang cùng một đơn vị đo rồi sắp xếp. * Khi sửa bài, GV yêu cầu HS **đọc** dãy số và **giải thích** tại sao sắp xếp như vậy.   **Vui học**   * GV cho HS **đọc** yêu cầu.   Khi sửa bài, GV yêu cầu HS **nói** kết quả và **giải thích** tại sao. | * HS (nhóm đôi) **đọc** yêu cầu, **nhận biết** nhiệm vụ rồi **thảo luận**. * HS **thực hiện** cá nhân rồi **chia sẻ** trong nhóm. 2 500 m; 2,25 km; 2,05 km; 2 km 5 m * HS **giải thích** tại sao sắp xếp như vậy. Ví dụ: * Đổi sang đơn vị đo ki-lô-mét:   2 500 m = 2,5 km 2 km 5 m = 2,005 km   * Sắp xếp: 2,5 km; 2,25 km; 2,05 km; 2,005 km.   …   * HS **đọc** yêu cầu. * HS thảo luận (nhóm bốn) **tìm hiểu** bài, tìm cách làm:   + 1 đốt: 315 mm;  + 100 đốt: .?. m;  + So sánh với 33,25 m   * HS **thảo luận** và **làm** bài. * HS **làm** bài cá nhân rồi chia sẻ với các bạn trong nhóm.   Cây tre trăm đốt không cao bằng toà nhà 10 tầng, vì:  315 × 100 = 31 500  31 500 mm = 31,5 m  Cây tre trăm đốt dài 31,5 m.  31,5 m < 33,25 m |

**IV. Điều chỉnh sau bài dạy**

…………………………………..…………………………………………………..

……………………………………………………………………………………….……………………………………………………………………………………….